

CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM ĐẶC SẢN XUẤT KHẨU QUẢNG NAM

-----*****-----



Báo cáo **THƯỜNG NIÊN** **2019**

Quảng nam, tháng 04/2020

Số: 85 /BC-CT

Điện Bàn, ngày 20 tháng 04 năm 2020

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
Công ty cổ phần lâm đặc sản xuất khẩu Quảng nam
Năm : 2019

I. Thông tin chung

1. Thông tin khái quát:

- Tên giao dịch: Công ty cổ phần lâm đặc sản xuất khẩu Quảng nam
FOREST PRODUCTS EXPORT JOINT – STOCK COMPANY OF QUANG NAM
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số: 4000101608 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Nam cấp lần đầu ngày 30/12/2005, thay đổi lần thứ 10 ngày 17/07/2019
- Vốn điều lệ: 30.000.000.000 (Ba mươi tỷ đồng)
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu:
- Địa chỉ: Khôi phố Cầu Hà – Phường Điện Ngọc – Thị xã Điện Bàn – Tỉnh Quảng Nam
- Số điện thoại: 0235.3843668
- Số fax: 0235.3843619
- Website: www.forexco.com.vn
- Mã cổ phiếu (nếu có): FRC

Quá trình hình thành và phát triển:

Thành lập ngày 29/11/1986 với tên gọi ban đầu là Xí nghiệp liên hiệp lâm đặc sản xuất khẩu Quảng Nam Đà Nẵng. Năm 1997: đổi tên thành Công ty lâm đặc sản xuất khẩu Quảng Nam.

+ Chuyển đổi sở hữu thành Công ty cổ phần theo quyết định số 5084/QĐ-UB ngày 09/12/2004 của UBND tỉnh Quảng Nam về việc phê duyệt phương án cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước thành Công ty cổ phần lâm đặc sản xuất khẩu Quảng Nam.

Ngày 01/01/2006 chính thức chuyển thành Công ty cổ phần lâm đặc sản xuất khẩu Quảng Nam.

Thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số: 3303070165 ngày 30/12/2005; đăng ký thay đổi lần thứ 10, số đăng ký kinh doanh 4000101608 ngày 17/07/2019 do Phòng đăng ký kinh doanh, Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Quảng Nam cấp.

+ Niêm yết: Công ty đại chúng đã niêm yết

+ Các sự kiện khác:

- Công ty đã chính thức gia nhập Mạng lưới kinh doanh lâm sản Việt Nam (VFTN) từ ngày 06/12/2006. Hiện nay công ty đã có chứng chỉ COC, ISO 9001-2008, đang thực hiện chứng chỉ BSCI.

- Sau nhiều năm theo đuổi thực hiện chương trình quản lý rừng bền vững theo các nguyên tắc và tiêu chí FSC. Ngày 18/09/2012 Công ty đã chính thức được Hội đồng quản trị rừng thế giới cấp chứng nhận FSC cho 1.500 ha rừng trồng (Forest Stewardship Council)

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:

- Ngành nghề kinh doanh:

+ Khai thác, chế biến gỗ và lâm đặc sản.

+ Thiết kế, trồng rừng và chăm sóc rừng, khai thác rừng trồng

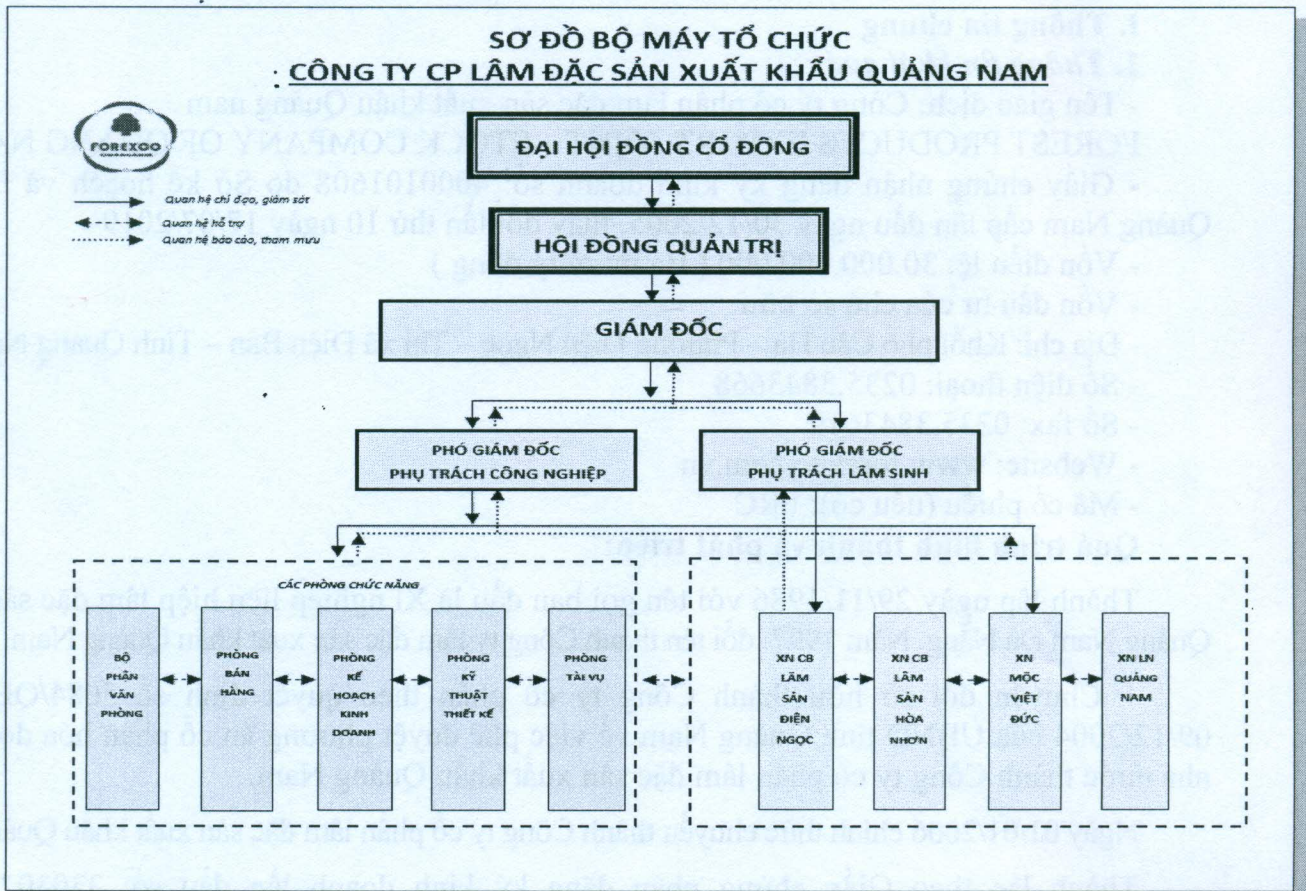
- Địa bàn kinh doanh: xuất khẩu và nội địa (xuất sang các nước Châu Âu, Hoa Kỳ)

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

- Mô hình quản trị bao gồm: Đại hội đồng cổ đông; Hội đồng Quản trị - Ban kiểm toán nội bộ, Ban Điều hành, đứng đầu là Giám đốc phụ trách chung, dưới Giám đốc có 2 Phó Giám đốc, tham mưu giúp việc cho Giám đốc Công ty. Dưới Ban điều hành có các Phòng nghiệp vụ và các Xí nghiệp, đứng đầu phòng nghiệp vụ và Xí nghiệp là các Trưởng phòng và Giám đốc Xí nghiệp.

Cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty được xây dựng trên nguyên tắc phân công, quản lý theo các khối chức năng công việc, có mối quan hệ chặt chẽ với nhau. Giám đốc Công ty quản lý, điều hành thông qua việc phân cấp, phân quyền để trực tiếp giải quyết các công việc cụ thể.

- Cơ cấu bộ máy quản lý.



4. Định hướng phát triển

4.1. Định hướng chung:

Tập trung hoàn thành việc đầu tư theo chiều sâu, để nâng cao năng lực chế biến gỗ, đáp ứng được yêu cầu của thị trường xuất khẩu đồ gỗ đang có xu hướng phát triển. Duy trì sản xuất ổn định, bền vững trên các lĩnh vực hoạt động: sản xuất công nghiệp và lâm sinh của Công ty. Phân đầu có tăng trưởng cao trong sản xuất công nghiệp, bảo đảm việc làm thường xuyên trong năm, tăng thu nhập cho người lao động, kinh doanh có lợi nhuận. Quản lý, giữ được diện tích đất rừng và rừng trồng nguyên liệu do Công ty đầu tư.

4.2. Những định hướng cụ thể:

4.2.1. Các chỉ tiêu cơ bản:

- Doanh thu năm 2020 đạt : 180 tỷ đồng.
- Lợi nhuận: Phần đầu năm 2020 đạt : 12 tỷ đồng.

4.2.2. Về việc chọn ngành hàng chủ lực và hướng tập trung đầu tư:

- Xác định ngành hàng chủ lực vẫn là hàng xuất khẩu gỗ ngoài trời; Từng bước nâng cao sản lượng sản xuất hàng trong nhà một cách vững chắc;

- Tiếp tục kinh doanh khâu lâm sinh (nhựa thông, khai thác rừng, dịch vụ lâm sinh) dựa trên những cải tiến và cơ chế hợp lý.

* Đối với khâu Công nghiệp:

- Hoàn thành việc đầu tư trang thiết bị máy móc, tập trung nâng cao năng lực công nghệ mới tại Xí nghiệp chế biến lâm sản Điện Ngọc. Đầu tư bổ sung máy móc thiết bị cho các đơn vị Việt Đức, Hòa Nhơn, Tam Kỳ.

- Rà soát đánh giá lại các nhà cung ứng vật tư, đơn vị gia công chặt chẽ. Kiên quyết loại bỏ những đơn vị không đáp ứng yêu cầu.

- Tăng cường khâu quản lý nguyên liệu, xem đây là một nhiệm vụ trọng tâm, là một tiêu chí bắt buộc trong tiêu chí thi đua, phải tăng được định mức sử dụng nguyên liệu; xây dựng kế hoạch chi phí và kiểm soát chi phí trong toàn công ty kết hợp triển khai việc ứng dụng chương trình quản lý trong toàn Công ty.

- Tiếp tục duy trì kỷ cương, hiệu lực trong quản lý điều hành, phân bổ kế hoạch mặt hàng tập trung, tăng cường sự điều hành linh hoạt, sự hỗ trợ về nguyên liệu, công suất, sự chia sẻ trong quản lý giữa các đơn vị thành viên.

- Hoàn thành công tác hệ thống hồ sơ lưu trữ thông tin kỹ thuật cho công tác đàm phán, quản lý chất lượng kỹ thuật.

- Áp dụng các xu thế mới trong thiết kế, trong công nghệ và sản xuất.

- Mục tiêu doanh thu sản phẩm mới, khách hàng mới trong 2020 là 25%.

* Đối với khâu lâm sinh:

- Tiếp tục nghiên cứu xây dựng các giải pháp toàn diện để công tác đầu tư trồng rừng phát triển bền vững: kiểm soát giống đầu vào, hoàn thiện quy trình trồng cây lấy gỗ công nghiệp là chủ lực, từng bước tiến tới khai thác trực tiếp nhựa thông. Mở rộng diện tích chứng chỉ FSC cùng với hộ liên kết.

4.2.3. Về việc cơ cấu lại mô hình Công ty, cơ chế quản lý chung:

- Trước mắt, vẫn giữ nguyên mô hình công ty như hiện tại, tăng cường công tác quản lý.

- Tiếp tục tinh giảm bộ máy gián tiếp, sắp xếp lại công ty, giảm đầu mối quản lý.

- Cải tổ, sắp xếp lại các đơn vị sản xuất theo hướng mỗi đơn vị chuyên sâu về một nhóm sản phẩm nhất định để thuận tiện trong bố trí sản xuất, giám sát kỹ thuật, chất lượng sản phẩm, tiến độ sản xuất và nâng cao năng suất lao động.

- Sắp xếp lại bộ phận kỹ thuật thành 2 khâu: thiết kế, phát triển sản phẩm mẫu và bộ phận kiểm tra, giám sát kỹ thuật, quy trình gia công chế biến.

- Tiếp tục duy trì, mở rộng quyền tự chủ trong điều hành cho giám đốc các đơn vị cơ sở, làm rõ trách nhiệm – quyền hạn và mối quan hệ giữa Công ty và đơn vị trong việc xây dựng và thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh hàng năm, cho phép giao khoán cho các đơn vị.

4.2.4. Về việc ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý:

- Hướng tới việc sử dụng công nghệ thông tin làm công cụ quản lý toàn diện hoạt động của Công ty và các đơn vị thành viên.

- Xây dựng phạm vi, lĩnh vực, nội dung ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ công tác quản lý, hoàn thiện và tiến tới quản trị mạng trong toàn hệ thống.

4.2.5. Các rủi ro:

+ Do lịch sử để lại nên bộ máy tổ chức của Công ty hiện nay gồm 4 đơn vị trực thuộc, nằm rải rác ở nhiều địa bàn khác nhau, mức độ qui mô thấp, khó khăn cho công tác đầu tư, chi phí quản lý cao, kém cạnh tranh, ảnh hưởng đến hiệu quả kinh doanh.

+ Ảnh hưởng dịch bệnh toàn cầu, dự kiến mùa hàng 2020-2021 sức mua giảm, khủng hoảng kinh tế làm sụt giảm doanh thu.

II. Tình hình hoạt động trong năm

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

- Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm 2019:

St t	Các chỉ tiêu	ĐVT	KH 2019	TH 2019	TH2019/KH2 019 (%)
1	Doanh thu	Tỷ đồng	211.9	200.06	94.4%
2	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	15	16.01	107%
3	Tổng mức đầu tư	Tỷ đồng	19.08	9.93	52%

- Tình hình thực hiện so với kế hoạch:

Chỉ tiêu doanh thu đạt 94.4% kế hoạch, chỉ tiêu lợi nhuận có sự tăng trưởng mạnh, vượt kế hoạch đề ra.

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2019 có bước tiến tốt hơn so với năm 2018.

2. Tổ chức và nhân sự:

- Danh sách Ban điều hành: (Danh sách, tóm tắt lý lịch và tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành của Tổng Giám đốc, các Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và các cán bộ quản lý khác).

T T	Họ và tên	Chức vụ	Năm sinh	Địa chỉ	Trình độ chuyên môn	Số CP sở hữu	Số CP đại diện Nhà nước	Tổng số CP	Tỷ lệ
	Quảng Thanh Bình	Giám đốc Cty	1963	K27/7 Thái Phiên – TP Đà Nẵng	Cử nhân kinh tế	5.000	0	5.000	0.17%
	Đặng Công Quang	P.Giám Đốc Cty	1975	Lô M3-27KDC An Hòa, An Hải Bắc, Sơn Trà –Đà Nẵng	Kỹ sư cơ khí	3.500	0	3.500	0.12%
	Trịnh Tuấn Nguyên Khương	P.Giám Đốc Cty	1978	19/5 Hà Huy Tập, Tổ 48, Xuân Hà, Quận Thanh Khê, Đà Nẵng	Kỹ sư lâm sinh	6.000	0	6.000	0.20%
	Phan Anh Tuấn	P.Giám Đốc Cty	1977	Tổ 8, Mỹ An, Quận Ngũ Hành Sơn, Đà Nẵng	Cử nhân kinh tế	4.300	0	4.300	0.14%
	Trần Thị Thiên Nga	Kế toán trưởng Cty	1990	Khối phố Phong Hồ Tây, Điện Nam Bắc, Điện Bàn, Quảng Nam	Cử nhân kinh tế	0	0	0	0%
	Nguyễn Quý	Kế toán trưởng Cty	1968	432 Cửa Đại, Cẩm Châu, Thành phố Hội An, Quảng Nam	Cử nhân kinh tế	0	0	0	0%

- Những thay đổi trong ban điều hành:

* Ngày 01/10/2019 Hội đồng quản trị họp và thống nhất thông qua việc thay đổi trong Ban điều hành :

Miễn nhiệm Ông Trịnh Tuấn Nguyên Khương – Nguyên Phó Giám đốc Công ty.

Thôi chức vụ Kế toán trưởng Bà Trần Thị Thiên Nga.

Bổ nhiệm Ông Nguyễn Quý làm Kế toán trưởng Công ty, thay thế Bà Trần Thị Thiên Nga.

* Ngày 07/11/2019 Bổ nhiệm Ông Phan Anh Tuấn – Phó Giám đốc Công ty, kiêm Giám đốc Xí nghiệp CBLS Điện ngọc.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án:

a- Các khoản đầu tư lớn: Năm 2019 Công ty có các khoản đầu tư lớn, chủ yếu các khoản đầu tư cho máy móc thiết bị cần thiết phục vụ sản xuất.

Tổng mức đầu tư năm 2019: 9,93 tỷ đồng, chiếm 52% kế hoạch đề ra.

b- Các công ty con, công ty liên kết: Không có.

4. Tình hình tài chính

4. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài chính:

STT	CHỈ TIÊU	Năm 2018	Năm 2019	Tăng giảm
1	Tổng giá trị tài sản	116,202,903,852	167,526,572,804	144.2%
2	Doanh thu thuần	193,536,095,452	197,921,407,699	102.3%
3	Lợi nhuận từ hoạt động KD	15,426,329,174	20,501,434,352	132.9%
4	Lợi nhuận khác	824,314,189	(433,949,113)	-52.6%
5	Lợi nhuận trước thuế	16,250,643,363	20,067,485,239	123.5%
6	Lợi nhuận sau thuế	12,986,613,085	16,012,995,273	123.3%

- Các chỉ tiêu khác : (tùy theo đặc điểm riêng của ngành, của công ty để làm rõ kết quả hoạt động kinh doanh trong hai năm gần nhất).

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu :

STT	CÁC CHỈ TIÊU	Năm 2018	Năm 2019	Ghi chú
1	Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
	+ Hệ số thanh toán ngắn hạn: (lần)	1,713	1,560	
	TSLĐ/Nợ ngắn hạn			
	+ Hệ số thanh toán nhanh (lần)	0,91	1,07	
	TSLĐ- Hàng tồn kho			
	Nợ ngắn hạn			
	+ Hệ số thanh toán tức thời (lần)	0,22	0,13	
	Tiền / Nợ ngắn hạn			
2	Chỉ tiêu về cơ cấu vốn:			
	+ Hệ số: Nợ / Tổng tài sản (lần)	0,50	0,56	
	+ Hệ số: Nợ / Vốn chủ sở hữu (lần)	0,99	1,25	
3	Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
	+ Vòng quay hàng tồn kho (vòng)	2,78	3,25	
	Giá vốn hàng bán			

Hàng tồn kho bình quân				
	+ Doanh thu thuần / Tổng tài sản (%)	1,67	1,18	
4	Chỉ tiêu về khả năng sinh lời:			
	+ Hệ số LNST/ Doanh thu thuần (%)	0,07	0,08	
	+ Hệ số LNST/ Vốn chủ sở hữu (%)	0,22	0,22	
	+ Hệ số LNST/ Tổng tài sản (%)	0,11	0,10	
	+ Hệ số LN từ HĐKD/Doanh thu thuần (%)	0,08	0,10	

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

a- Cổ phần: Tổng số cổ phần của Công ty hiện nay là 3.000.000 cổ phần; số cổ phần được phép chuyển nhượng là 2,993,547 cổ phần và số cổ phần hạn chế chuyển nhượng 6,453 cổ phần.

Cơ cấu cổ đông:

stt	Loại cổ đông	Tổng số cổ phần	Số lượng cổ đông	Tỷ lệ CP/TSCP
	Vốn Nhà Nước	0	0	0
	Cổ đông không là CBNV Cty	2,952,617	207	98.42%
	Cổ đông có cổ phần HCCN	6,453	9	0.22%
	Cổ đông là CBNV Cty	40,930	26	1.36%
	Tổng cộng	3,000,000	242	100%

c- Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Không

d- Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không

h- Các chứng khoán khác: Không

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty

6.1. Quản lý nguồn nguyên vật liệu :

a) Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức trong năm : 4,158.35 m³ TC x 4.0 m³ gỗ tròn/ m³ TC = 16,633.42 m³ gỗ tròn.

b) Báo cáo tỉ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức: 10%.

6.2. Tiêu thụ năng lượng :

a) Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp : 2.500 KW/năm.

b) Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả: Không

c) Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng (cung cấp các sản phẩm và dịch vụ tiết kiệm năng lượng hoặc sử dụng năng lượng tái tạo); báo cáo kết quả của các sáng kiến này: Không

6.3. Tiêu thụ nước: (mức tiêu thụ nước của các hoạt động kinh doanh trong năm)

a) Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng: Nước giếng khoan, đơn vị tự khai thác.

b) Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng: Không

6.4. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

a) Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không có

b) Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: 0 đồng.

6.5. Chính sách liên quan đến người lao động:

a) Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động

Số lượng lao động bình quân 600 người, mức thu nhập bình quân 5.900.000 đồng/người/tháng.

b) Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động: Ngoài việc thực hiện tốt chính sách BHXH, BHYT, BHTN theo qui định của pháp luật cho lao động. Công ty còn thực hiện chính sách An toàn vệ sinh lao động, khám sức khỏe định kỳ, mua bảo hiểm rủi ro 24/24....

c) Hoạt động đào tạo người lao động:

Trong hoạt động SXKD Công ty thường xuyên luân chuyển người lao động, giao việc để người lao động có điều kiện học hỏi nâng cao tay nghề, nghiệp vụ. Công ty còn gửi cán bộ, người lao động tham gia các lớp tập huấn về nghiệp vụ và kỹ năng nghề ở các cơ sở đào tạo tại Quảng Nam và Đà Nẵng.

6.6. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương

Các hoạt động đầu tư cộng đồng và hoạt động phát triển cộng đồng khác, bao gồm hỗ trợ tài chính nhằm phục vụ cộng đồng

Hoạt động nhận phụng dưỡng 02 bà mẹ Việt nam Anh Hùng (Mẹ Nguyễn Thị Chí ở Duy Xuyên, Mẹ Nguyễn Thị Lạo ở Tam Kỳ), đóng góp tài chính cho các hoạt động phong trào tại địa phương như hoạt động của Hội nông dân, hoạt động của Đoàn thanh niên, Hội phụ nữ, Hội người cao tuổi.....

6.7. Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc (Ban Giám đốc báo cáo và đánh giá về tình hình mọi mặt của công ty

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

Kết quả sản xuất - kinh doanh năm 2019 của Công ty đạt và vượt mức kế hoạch chỉ tiêu doanh thu và lợi nhuận đề ra. Cụ thể :

Doanh thu 2019: 200,06 tỷ đồng – Đạt 94.4% so với KH 2019, bằng 103.4% năm 2018.

Lợi nhuận 2019: 16.01 tỷ đồng - Đạt 107% so với KH 2019, bằng 123.3% năm 2018.

Nguyên nhân: Doanh thu đạt và vượt kế hoạch là do Công ty đã làm tốt công tác khách hàng trong năm qua, đã tìm kiếm được khách hàng, mặt hàng cho mùa trũng, tạo việc làm liên tục cho các Đơn vị chế biến gỗ. Công tác quản lý chi phí tốt, chi phí lãi vay tài chính giảm.

Lợi nhuận đạt và vượt kế hoạch đề ra do các nguyên nhân và thuận lợi sau.

- Lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty

- Lợi nhuận từ khai thác rừng và khai thác nhựa thông.

a. Sản xuất công nghiệp:

* Những mặt làm được:

- Việc kiên trì phương châm phát triển sản phẩm mới, khách hàng mới và thị trường mới đã đạt được mục đích trong năm 2019, đảm bảo việc làm liên tục cho các Xí nghiệp chế biến công nghiệp. Các khách hàng khai thác từ năm 2019 có doanh số tăng trưởng khá tốt trong năm qua.

- Sản xuất hàng trong nhà và ngoài trời tại Xí Nghiệp Điện Ngọc cho khách hàng Noble house đã tạo việc làm liên tục cho đơn vị và có hiệu quả tốt.

- Giải pháp tuyển dụng lao động dân tộc thiểu số đã giải quyết căn bản tình hình thiếu lao động ở các đơn vị Xí nghiệp Điện Ngọc, Xí nghiệp Hòa Nhơn.
- Ngoài ra để giải quyết vấn đề thiếu hụt về lao động, công ty đã chủ động tìm kiếm các đơn vị gia công để thực hiện một phần các đơn hàng xuất khẩu cho Công ty.
- Công tác kỹ thuật đã được kiện toàn một bước, bổ sung cán bộ có năng lực thực tế. Vì vậy đã góp phần mang lại kết quả cụ thể trong đàm phán.

*** Những tồn tại**

- Giải pháp về nguyên liệu tập trung mua phôi trên 50% chưa đạt yêu cầu. Quản lý nguyên liệu vẫn còn là khâu yếu hiện nay, các định mức sử dụng nguyên liệu qua các khâu đều không đạt được yêu cầu. Chất lượng nguyên liệu ngày càng kém dẫn đến tỉ lệ tạo phôi cho các sản phẩm của khách hàng có yêu cầu chất lượng cao như Testrite, Kingfisher đều không đạt tỉ lệ mong muốn.
- Qua cách giao giá thành sản xuất theo mức giá gia công hàng trắng trên thị trường cộng với chi phí vật tư đã thể hiện tương đối chính xác giá thành thực tế tại Đơn vị. Tuy nhiên vẫn còn một tỷ lệ lỗ nhất định của các đơn vị, nguyên nhân một phần là do năng lực quản lý, khả năng kiểm soát chi phí chưa tốt. Năng lực quản lý điều hành, lãnh đạo của một số đơn vị còn rất hạn chế, chưa có nguồn cán bộ bổ sung thay thế.
- Sự hỗ trợ của công tác kỹ thuật nói chung trong xây dựng quy trình công nghệ, hợp lý hóa sản xuất; công tác đánh giá sản xuất thử để đưa ra quy trình sản xuất tối ưu nhằm giảm giá thành, giảm chi phí sản xuất còn rất hạn chế.
- Còn nhiều lô hàng phải tái kiểm và xin khách hàng điều chỉnh thời gian giao hàng.
- Công tác tham mưu đề xuất các giải pháp trong quản lý điều hành ở một số khâu của một số cán bộ nghiệp vụ thuộc phòng chức năng như kế hoạch, tổ chức, lâm sinh còn hạn chế, chưa linh hoạt, bị động, lúng túng trước các vấn đề diễn ra trong thực tế sản xuất kinh doanh.
- Việc xây dựng, kiểm tra phân tích định kỳ kế hoạch tổng chi phí sản xuất trong toàn Công ty, của xí nghiệp, từng khâu, phòng ban đã triển khai thực hiện nhưng kết quả chưa như mong đợi và xác định con số dự kiến ban đầu việc thực hiện, giám sát, phân tích làm chưa toàn diện, chưa sâu và chưa kỹ. Do vậy chưa có nhiều tác động tích cực cho nền quản trị chung trong toàn Công ty.
- Việc duy trì các chương trình an sinh xã hội, chương trình xanh sạch đẹp, vệ sinh nhà xưởng còn hạn chế, mang tính hình thức phong trào. Bộ mặt các nhà máy của công ty còn nhếch nhác thiếu thơm mát, được đánh giá kém dưới con mắt khách hàng.

b. Khâu lâm sinh - nguyên liệu giấy

*** Những mặt làm được**

- Đã thực hiện phương thức đấu thầu giá cây đứng khi khai thác rừng mang lại hiệu quả.
- Đã chủ động làm việc với hộ nhận khoán về việc phân chia tỷ lệ hưởng lợi trong trồng rừng, theo hướng có lợi cho Doanh nghiệp

*** Những mặt tồn tại**

- Hoạt động kinh doanh rừng đối với các diện tích rừng trồng từ những năm 2010-2011 đến thời hạn khai thác có hiệu quả kém, trách nhiệm và các giải pháp chưa rõ ràng.
- Nhiều định hướng khi triển khai rất khó khăn hoặc không thực hiện được. Ví dụ: Tập trung diện tích giảm bớt số hộ dân, xây dựng quy chế cùng với lực lượng dân quân địa phương tham gia vào bảo vệ rừng, việc xây dựng lại các hệ thống định mức đầu tư, cơ chế để phối hợp với địa phương khi xảy ra tranh chấp xâm lấn của người dân đối với đất rừng trong lâm phận.

- Quản lý theo dõi diễn tiến quá trình đầu tư, chi phí cho cả chu kỳ đầu tư trồng rừng không được cẩn thận tỉ mỉ, dẫn đến cuối chu kỳ khai thác hiệu quả kém không xác định được nguyên nhân thấu đáo.

2. Tình hình tài chính:

a - Tình hình tài sản: Trong năm không có biến động lớn về tài sản.

b - Tình hình nợ phải trả:

Hiện nay, lĩnh vực hoạt động chủ yếu của Công ty là chế biến hàng mộc xuất khẩu - tiêu thụ nội địa, trồng và chăm sóc rừng lâm phận, khai thác nhựa thông, các hoạt động dịch vụ lâm sinh khác. Các khách hàng trong nước của Công ty đều là các doanh nghiệp truyền thống, có uy tín và thanh toán sòng phẳng như Công ty CP thông Quảng Ninh (nhựa thông), một số khách hàng nội địa khi ký Hợp đồng Công ty có yêu cầu mở thư bảo lãnh thanh toán ... nên nhìn chung không có rủi ro cao trong việc thanh toán; khách hàng đối với mảng chế biến hàng mộc xuất khẩu đa số là các nước Châu Âu, châu Mỹ, việc thanh toán tiền hàng theo hình thức mở L/C hoặc thanh toán T/T trước khi giao hàng nên Công ty đã chủ động kiểm soát được các khoản phải thu, dẫn đến không có nợ xấu.

Riêng công nợ khâu cho vay vốn trồng rừng, ứng nhập gỗ nguyên liệu mộc, nguyên liệu giấy trước đây ở Công ty và các Xí nghiệp, Công ty vẫn thường xuyên theo dõi để đánh giá, phân loại công nợ, đôn đốc thu hồi công nợ đến hạn để có nguồn tiền luân chuyển, tránh rủi ro thanh khoản. Đến nay Công ty đã lập dự phòng cho hầu hết các công nợ tồn đọng khó đòi để giảm thiểu các rủi ro về tài chính cho các năm tiếp theo.

Trong năm 2019, do đơn hàng tăng trưởng, dòng vốn Công ty luân chuyển nhanh nên số dư nợ vay và lãi vay giảm đáng kể, ảnh hưởng tốt đến hiệu quả hoạt động SXKD và các hoạt động tín dụng của Công ty

- Ảnh hưởng của biến động tỷ giá trên thị trường:

Do Công ty có hoạt động trong lĩnh vực xuất khẩu nên có các giao dịch mua bán có gốc ngoại tệ. Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động lớn về tỷ giá. Hiện nay loại tiền ngoại tệ Công ty đang dùng để xuất hàng và thanh toán là đồng EURO và USD Mỹ.

Trong năm tài chính vừa qua, tỷ lệ khách hàng thanh toán bằng đồng EURO chiếm phần nhỏ so với tổng lượng tiền ngoại tệ, trong khi đó tỷ giá đồng USD tăng nửa cuối năm nên không có rủi ro nhiều trong vấn đề tỷ giá, đồng thời Công ty cũng đã tận dụng sự chênh lệch tỷ giá giữa các ngân hàng để luân chuyển ngoại tệ và bán ngoại tệ ở mức giá cao nhất, nên xét trên tổng thể, sự ảnh hưởng của chênh lệch tỷ giá tác động không nhiều đến kết quả hoạt động SXKD của Công ty trong năm tài chính.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý:

Đã tiến hành sắp xếp lại bộ máy Văn phòng, kèm theo việc kiện toàn tổ chức, các chức danh lãnh đạo, phòng nghiệp vụ và các Xí nghiệp trực thuộc.

Phương thức giao giá cho Xí nghiệp dựa trên giá gia công m³ tinh chế trên thị trường cộng chi phí vật tư theo định mức đã đánh giá xác giá thành sản xuất thực tế của Đơn vị.

Từng bước giảm chi phí quản lý bằng cách sáp nhập các đầu mối quản lý

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai:

Xác định ngành hàng chủ lực vẫn là hàng xuất khẩu gỗ ngoài trời; Từng bước nâng cao sản lượng sản xuất hàng trong nhà một cách vững chắc; mở rộng thêm đơn vị sản xuất hàng trong nhà.

Định hướng phát triển nội thất công trình, trước mắt thực hiện các công trình quy mô nhỏ, các dự án khách sạn dưới 50 phòng.

5. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán (nếu có) - (Trường hợp ý kiến kiểm toán không phải là ý kiến chấp thuận toàn phần).

Sau khi có ý kiến kết luận của tổ chức kiểm toán độc lập. Ban giám đốc Công ty không có giải trình đối với ý kiến của kiểm toán.

6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty:

a. Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường (tiêu thụ nước, năng lượng, phát thải...): Hàng năm Công ty mời cơ quan chức năng đến đo đạt môi trường làm việc của người lao động (bụi, tiếng ồn, không khí ..) và kiểm định các thiết bị có tính chất nguy hiểm; thực hiện việc quản lý, sử dụng hóa chất đúng qui định, đúng qui trình. Hợp đồng với cơ quan thu gom rác thải nguy hại, rác thải sinh hoạt. :

b. Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động : Thực hiện tốt công tác An sinh, chế độ chính sách, bảo hộ lao động, thành lập hội đồng bảo hộ lao động, trang bị đầy đủ các thiết bị, phương tiện bảo vệ cá nhân cho người lao động. Thường xuyên huấn luyện công tác an toàn vệ sinh lao động, khám sức khỏe định kỳ, thực hiện chế độ bồi dưỡng cho lao động nặng nhọc, độc hại.

c. Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương:

Thực hiện tốt phong trào đền ơn đáp nghĩa, phụng dưỡng mẹ Việt nam anh hùng.

Tham gia đầy đủ các phong trào bảo vệ trật tự, an ninh, an toàn và các hoạt động khác tại địa phương nơi Công ty đóng trụ sở.

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty :

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty, trong đó có đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội

Hoạt động của công ty đã đi đúng định hướng phát triển do Hội đồng quản trị đề ra. Năm 2019 Công ty đã tập trung khắc phục và xử lý những hạn chế yếu kém và tồn tại của các năm trước để lại, sản xuất kinh doanh dần ổn định, có lợi nhuận; giải quyết được việc làm và thu nhập cho người lao động; bảo toàn được nguồn vốn cho doanh nghiệp.

Cùng với quá trình tổ chức sản xuất, Công ty cũng đã làm tốt công tác bảo vệ môi trường và tổ chức các hoạt động xã hội. Việc triển khai các chương trình an sinh xã hội, thường xuyên đánh giá tác động môi trường trong quá trình sản xuất đã thể hiện trách nhiệm của mình trong công tác bảo vệ môi trường trong sản xuất.

Trong các đợt kiểm tra của các ngành chức năng và khách hàng, kết quả kiểm tra Công ty luôn đạt yêu cầu về ASXH và môi trường.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty:

Hoạt động của Ban giám đốc Công ty đã đi đúng định hướng theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên và các Nghị quyết của Hội đồng quản trị đề ra. Tập trung đẩy mạnh công tác xúc tiến thương mại, tìm kiếm khách hàng, mở rộng thị trường, giải quyết được vấn đề việc làm, duy trì sản xuất, bảo tồn vốn cho doanh nghiệp. Tập hợp và lãnh đạo đội ngũ cán bộ giúp việc, đặc biệt là lãnh đạo các Xí nghiệp nâng cao được ý thức tổ chức kỷ luật, chấp hành tốt mệnh lệnh sản xuất của Giám đốc Công ty. Các đơn vị đã có nhiều giải pháp đổi mới phương pháp làm việc và điều hành, từng bước đưa hoạt động sản xuất kinh doanh ổn định, quản lý tốt tiến độ sản xuất và chất lượng sản phẩm. Về công tác chất lượng và tiến độ đã khắc phục được tình trạng ứ hàng, nợ hàng do vỡ kế hoạch tiến độ, các lô hàng đã xuất đi có chất lượng sản phẩm đạt yêu cầu đặt ra.

Ban giám đốc cũng đã chủ động giải quyết các vấn đề phát sinh có liên quan đến công tác quản lý bảo vệ rừng, đưa ra nhiều giải pháp để giải quyết những tồn đọng trong công tác quản lý bảo vệ rừng phát sinh trong những năm trước đó.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị:

Kế hoạch Doanh thu- Sản lượng – Lợi nhuận năm 2020 của Công ty như sau:

Stt	Các chỉ tiêu	ĐVT	TH 2019	KH 2020	KH2020/ TH2019 (%)
1	Doanh thu	Tỷ đồng	200.06	180	90.0%
2	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	16.01	12	75.0%
3	Tổng mức đầu tư	Tỷ đồng	9.93	10	100.7%

Để thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch trên HĐQT đề ra mục tiêu và giải pháp cụ thể sau:

Các giải pháp tổ chức thực hiện.

Ưu tiên mọi nguồn lực cho lĩnh vực sản xuất đồ gỗ trong nhà và ngoài trời xuất khẩu. Xác định lĩnh vực sản xuất đồ gỗ xuất khẩu vẫn là lĩnh vực chủ yếu và then chốt của Công ty. Kiểm kê và giữ các diện tích rừng Công ty đang quản lý. Phấn đấu có tăng trưởng cao trong sản xuất công nghiệp, bảo đảm việc làm thường xuyên trong năm tăng thu nhập cho người lao động, kinh doanh có lợi nhuận.

Một số giải pháp:

1. Hoàn thiện việc đầu tư 1 nhà máy tại Điện Ngọc làm hình mẫu của Công ty trong việc khai thác đơn hàng, giới thiệu đến khách hàng về quy trình công nghệ, máy móc thiết bị hiện đại.
2. Tập trung khai thác các đơn hàng trái mùa quanh năm đối với khách hàng truyền thống như Noble house, Testrite, CGIT để tạo việc làm liên tục, hạn chế tối đa tình trạng nghỉ giữa mùa và giải quyết chi phí quản lý của mùa trũng. Đặc biệt quan tâm vấn đề Ren hàng Denia của khách hàng Kingfisher.
3. Triển khai quyết liệt sản xuất các đơn hàng trong mùa trũng đúng và trước tiến độ, triển khai sản xuất đón đầu quyết liệt đến khâu hàng trắng.
4. Rà soát đánh giá lại các nhà cung ứng vật tư, đơn vị gia công chặt chẽ. Kiên quyết loại bỏ những đơn vị không đáp ứng yêu cầu. Tìm thêm nhà cung cấp về phôi sắt và nệm, xốp tại phía Bắc.
5. Tăng cường khâu quản lý nguyên liệu, coi đây là một nhiệm vụ trọng tâm, là một tiêu chí bắt buộc trong tiêu chí thi đua, phải tăng được định mức sử dụng nguyên liệu. Chất lượng nguyên liệu đầu vào là vấn đề cần tập trung quản lý, hạn chế được gỗ non, gỗ kém chất lượng, bảo quản lưu trữ kém,...Theo sát xu hướng diễn biến của giá nguyên liệu để có giải pháp thu mua hợp lý. Có phương án đặt gia công phôi qua bào 4 mặt , đối với các chi tiết lớn, dài có yêu cầu kỹ thuật cao về chất lượng. Trên cơ sở đó tập trung mua phôi chi tiết đối với các chi tiết bé, ngắn, có yêu cầu kỹ thuật bình thường về chất lượng.
6. Trọng tâm là xây dựng kế hoạch chi phí và kiểm soát chi phí trong toàn công ty kết hợp triển khai việc ứng dụng các phần mềm quản lý mà Công ty ban hành.
7. Tiếp tục duy trì kỷ cương, hiệu lực trong quản lý điều hành, phân bổ kế hoạch mặt hàng tập trung, tăng cường sự điều hành linh hoạt, sự hỗ trợ về nguyên liệu công suất, sự chia sẻ trong quản lý giữa các đơn vị thành viên.
8. Tổ chức hội nghị chất lượng định kỳ, tập trung giải quyết những tồn tại lỗi kỹ thuật trong mùa 2019-2020.
9. Mục tiêu doanh thu sản phẩm mới, khách hàng mới trong 2020 là 25%.
10. Áp dụng các xu thế mới trong thiết kế, trong công nghệ và sản xuất. Tìm kiếm đối tác và phát triển sản xuất, lắp đặt dự án nội thất công trình.

11. Tách riêng chi phí khâu trồng rừng trên lâm phận và chi phí hoạt động của các công trình dịch vụ bên ngoài. Tiến hành khôi phục lại sản xuất khai thác nhựa thông.

V. Quản trị công ty

1. Hội đồng quản trị

a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị

stt	Họ và tên	Chức vụ tại Công ty	Chức vụ tại Công ty khác	Thành viên HĐQT	Số Cổ phần sở hữu	Tỷ lệ
1	NGUYỄN THỦY NGUYÊN	CHỦ TỊCH HĐQT	Chủ tịch - Công ty TNHH LHXD Vạn Cường	Độc lập	0	0
2	QUẢNG THANH BÌNH	THÀNH VIÊN HĐQT, GIÁM ĐỐC CTY	Không	Điều hành	5.000	0.17%
3	LƯU TIẾN THÀNH	THÀNH VIÊN HĐQT	Trưởng phòng Dự án thiết kế Công ty TNHH LHXD Vạn Cường	Độc lập	0	0

b) Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị:

Năm 2018, tại Đại hội cổ đông thường niên năm 2018 Công ty đã thông qua nội dung sửa đổi điều lệ Công ty, theo đó Cơ cấu tổ chức Công ty gồm: Hội đồng quản trị - Ban kiểm toán nội bộ và Ban điều hành. Trong đó Ban kiểm toán nội bộ trực thuộc Hội đồng quản trị.

Hội đồng quản trị phân công các thành viên Hội đồng quản trị thực hiện các nhiệm vụ của Hội đồng quản trị. Sự phân công đó theo đánh giá của Hội đồng quản trị là phù hợp với tình hình thực tế của doanh nghiệp và bản thân các thành viên được phân công nhiệm vụ đã làm tốt nhiệm vụ do Hội đồng quản trị đặt ra đạt hiệu quả tốt.

c) Hoạt động của Hội đồng quản trị

Năm 2019 là năm thứ 4 thực hiện nhiệm vụ của HĐQT nhiệm kỳ III (2016-2020), cũng là năm thứ 3 Công ty chính thức trở thành Công ty cổ phần 100% vốn tư nhân.

Số lượng thành viên HĐQT là 3 thành viên, bao gồm: 2 thành viên tham gia không điều hành, giữ vị trí Chủ tịch, Thành viên HĐQT, 1 thành viên còn lại trực tiếp làm công tác quản lý điều hành. Hoạt động của HĐQT trong năm qua tuân thủ theo Điều lệ, Nghị quyết của Đại hội cổ đông, bám sát theo tình hình thực tế của doanh nghiệp để chỉ đạo các hoạt động sản xuất kinh doanh. Trong năm 2019 tập trung những nhiệm vụ trọng tâm sau:

1. Năm 2019, hoạt động của HĐQT thay đổi theo mục tiêu thiết thực, cụ thể, hiệu quả và đề cao kỹ cương trong quản lý điều hành. Trong hoạt động thường xuyên, cùng với Ban điều hành quan tâm đến việc phát triển thị trường mới, khách hàng mới, sản phẩm mới với mục tiêu có đơn hàng, đảm bảo đủ việc làm cho người lao động. Quan tâm việc duy trì kỹ cương nề nếp trong doanh nghiệp, thông qua công tác kiểm tra giám sát. Quan tâm và kịp thời giải quyết những khó khăn, đề xuất của Ban điều hành trong quá trình triển khai nhiệm vụ SXKD. Điều chỉnh kế hoạch đầu tư XDCB phù hợp với qui định tại điều lệ và điều kiện sản xuất thực tế tại doanh

nghiệp. Năm 2019, HĐQT trực tiếp chỉ đạo, bám sát hoạt động đầu tư, nhưng trước yêu cầu việc quản lý hiệu quả dòng vốn và các điều kiện chuẩn bị triển khai kế hoạch chưa đủ thông tin, nên kế hoạch đầu tư theo Nghị quyết ĐHCĐ chỉ thực hiện được 52% so với kế hoạch. Năm qua chủ yếu đầu tư máy móc thiết bị, nhà xưởng phục vụ yêu cầu thiết thực cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

2. Trong năm 2019 HĐQT đã họp 6 phiên, ra nghị quyết kết luận tập trung vào một số lĩnh vực sau:

- Phê chuẩn việc vay vốn ngân hàng phục vụ kế hoạch sản xuất năm 2019.

- Phê chuẩn các quyết định về việc tái cơ cấu tổ chức bộ máy, nhân sự. Cụ thể:

+ Thực hiện Nghị Quyết ĐHCĐ 2019 về việc thay đổi người đại diện theo pháp luật của Công ty, Công ty có 01 đại diện theo pháp luật là Ông Quảng Thanh Bình, chức danh: Giám đốc. Nay thay đổi thành 02 người: Ông Nguyễn Thủy Nguyên, chức danh Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Ông Quảng Thanh Bình, Chức danh: Giám đốc, vào 17/07/2019.

Sửa đổi khoản 4, điều 2 của điều lệ Công ty cổ phần cổ phần lâm đặc sản xuất khẩu Quảng Nam

+ Tách Xí nghiệp lâm nghiệp Quảng Nam thành: Xí nghiệp lâm nghiệp Quảng Nam và Xí nghiệp Lâm đặc sản Tam Kỳ tại biên bản ngày 14/11/2019.

+ Miễn nhiệm 1 Phó Giám đốc Công ty và Bổ nhiệm 1 Phó Giám đốc Công ty.

+ Bổ nhiệm Kế toán trưởng Công ty

- Phê duyệt các hạn mục đầu tư, Phê duyệt quỹ lương công ty 2019.

3. Hội đồng quản trị đã mời Công ty TNHH kiểm toán CPA Việt nam thực hiện việc kiểm tra, kiểm toán tình hình tài chính của Công ty trong năm 2019. Kết quả kiểm toán đã phản ánh đầy đủ, trung thực các nội dung hoạt động của doanh nghiệp.

d) Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập:

Trên cơ sở Điều lệ và Quy chế Công ty, Thành viên HĐQT độc lập thường xuyên tham gia công tác kiểm tra, giám sát hoạt động điều hành Công ty của Ban Giám đốc. Thông qua các cuộc họp Hội đồng quản trị các thành viên HĐQT độc lập cùng các thành viên HĐQT khác thảo luận và thông qua chủ trương, phê duyệt các vấn đề trọng tâm, chiến lược về SXKD, cơ cấu nhân sự, mô hình tổ chức hoạt động của Công ty...

e) Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty:
Không có

2. Ban Kiểm toán nội bộ

a) Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát:

stt	Họ và tên	Chức vụ	Số cổ phần sở hữu	Tỷ lệ cổ phần SH
1	Phạm Mỹ Hoa	Trưởng ban	557,715	18.59%

b) Hoạt động của Ban kiểm toán nội bộ:

Về hoạt động thường xuyên, các hoạt động của Ban kiểm toán nội bộ được tiến hành theo đúng kế hoạch đề ra, Ban đã tiến hành giám sát và kiểm tra các hoạt động tài chính, công tác quản lý ở đơn vị cơ sở và công ty; kiểm tra và thẩm định quyết toán tài chính năm các đơn vị cơ sở và toàn công ty; thực hiện các cuộc kiểm tra đột xuất tại các đơn vị cơ sở khi có vấn đề phát sinh. Nội dung, số liệu kiểm tra được thể hiện rõ ràng, góp ý chân tình, thẳng thắn để đơn vị hoàn thiện hơn trong công tác quản lý, tài chính. Toàn bộ nội dung, số liệu kiểm tra, các phân tích về

tài chính, quản trị đều được thông tin cụ thể cho Hội đồng quản trị, Ban giám đốc để làm cơ sở đề ra giải pháp cho công tác quản lý.

Trong năm qua, Ban kiểm toán nội bộ không nhận được ý kiến phản ánh nào của cổ đông gửi đến.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát

a) Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích

S T T	HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ	THỜI ĐIỂM BỒ NHIỆM	THỜI ĐIỂM THÔI CHỨC VỤ	TIỀN LƯƠNG	THÙ LAO	TỔNG CỘNG
2	NGUYỄN THUY NGUYỄN	CHỦ TỊCH HĐQT, THÀNH VIÊN HĐQT	23/08/18		0	0	0
3	QUẢNG THANH BÌNH	THÀNH VIÊN HĐQT, GIÁM ĐỐC CTY	29/08/18		357,418,000	0	357,418,000
4	ĐẶNG CÔNG QUANG	P.GIÁM ĐỐC CTY	25/05/18		288,895,000	0	288,895,000
5	TRỊNH TUẤN NGUYỄN KHƯƠNG	P.GIÁM ĐỐC CTY		01/10/19	212,459,000	0	212,459,000
6	PHAN ANH TUẤN	P.GIÁM ĐỐC CTY	07/11/19		185,417,100	0	185,417,100
	LƯU TIẾN THÀNH	THÀNH VIÊN HĐQT	25/05/18		0	0	0
	Cộng HĐQT				1,044,189,100		1,044,189,100
8	PHẠM MỸ HOA	TRƯỞNG BAN KIỂM TOÁN NỘI BỘ	25/05/18		0	0	0
	Cộng BKS						
	TỔNG CỘNG				1,044,189,100		1,044,189,100

b) Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ: (Thông tin về các giao dịch cổ phiếu của các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc), Kế toán trưởng, các cán bộ quản lý, Thư ký công ty, cổ đông lớn và những người liên quan tới các đối tượng nói trên)

Trong năm 2019 không có giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ.

stt	Tên cổ đông nội bộ	Chức vụ	Số CP sở hữu	Số CP giao dịch		Số cổ phần sở hữu sau khi hoàn thành giao dịch
				Mua	Bán	

c) Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: (Thông tin về hợp đồng, hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đã được thực hiện trong năm với công ty, các công ty con, các công ty mà công ty nắm quyền kiểm soát của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc), các cán bộ quản lý và những người liên quan tới các đối tượng nói trên):
Không có

d) Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty (Nêu rõ những nội dung chưa thực hiện được theo quy định pháp luật về quản trị công ty. Nguyên nhân, giải pháp và kế hoạch khắc phục/kế hoạch tăng cường hiệu quả trong hoạt động quản trị công ty)

VI. Báo cáo tài chính

1. Ý kiến kiểm toán:

Ý kiến của Kiểm toán viên.

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 đã được kiểm toán viên khác kiểm toán, kiểm toán viên này đã đưa ra Báo cáo kiểm toán vào ngày 30 tháng 03 năm 2020 với ý kiến dạng chấp nhận toàn phần.

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán : Theo file đính kèm

Xác nhận của đại diện theo pháp luật của Công ty



QUẢNG THANH BÌNH